

Bản tin thị trường

24.03.2023

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường
Cổ phiếu quan tâm
Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

VGC, FPT

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng
Lịch chia cổ tức



Thị trường rung lắc quanh 1050

Thị trường có phần gia tăng sự thận trọng và bắt đầu rung lắc nhẹ trong phiên giao dịch cuối tuần. Dù chỉ số Vnindex vẫn giữ sắc xanh khá tốt trong phiên và dòng tiền hướng sang nhóm cổ phiếu nóng là bất động sản và khu công nghiệp nhưng giao dịch nhìn chung vẫn thiếu động lực và lực cầu khá yếu. Phiên chiều giao dịch càng trầm lắng và Vnindex đóng cửa tăng nhẹ gần 2 điểm đưa chỉ số Vnindex lên 1046.8. Thanh khoản trong ngày vẫn ở mức thấp khoảng 8.1 ngàn tỷ đồng. Xu hướng giao dịch phiên chiều có phần bán ra nhiều hơn khi nhà đầu tư gia tăng chốt lãi dần một số nhóm cổ phiếu đạt mục tiêu ngắn hạn.

Các nhóm ngành bất động sản, khu công nghiệp tăng đều hơn trong khi các nhóm thép, chứng khoán có phần chững lại và giảm nhẹ. Cổ phiếu ngân hàng sắc xanh chiếm khoảng 2/3 nổi bật là LPB (3.7%), HDB (2.2%), MBB (2%). OCB cũng tăng khá tốt 1.3% lên 15.8.

Khối ngoại trong ngày mua ròng 101.8 tỷ trong đó mua ròng mạnh VHM, HPG, NLG, VIC trong khi bán ròng MSN, CTG, VND. Thị trường tuần sau có thể tiếp tục xu hướng giao dịch kiểu thăm dò vì vậy nhà đầu tư vẫn ưu tiên mua tích lũy ở các nhịp điều chỉnh mạnh. Nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán, thép, BDS KCN ưu tiên giao dịch.



Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex có phần do dự khi tiếp cận đường MA20 và gần chạm lên mép trên 1050. Thị trường vẫn trong giai đoạn giao dịch tích lũy đi ngang trong biên độ hẹp từ 1020 đến 1060. Dòng tiền sẽ xoay quanh giữa các nhóm ngành chứng khoán, thép, ngân hàng, dầu khí, bất động sản, KCN. Những nhóm ngành nào đã đạt lợi nhuận ngắn hạn có thể chốt lời dần và chờ cơ hội tích lũy trở lại. Chiến lược giao dịch hiện tại vẫn ưu tiên mua tích lũy ở các nhịp giảm sâu và bán dần khi thị trường tăng. Nhóm cổ phiếu quan tâm tuần sau: HPG, NKG, HSG, STB, VPB, SSI, CTS, VCI, HCM, LCG VCG, DXG, KSB, MBS,

Tin Doanh Nghiệp

FPT lãi ròng 926 tỷ hai tháng đầu năm



Báo cáo kết quả kinh doanh của Tập đoàn FPT (Mã: FPT) cho biết, hai tháng đầu năm, doanh thu tập đoàn đạt 7.295 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 1.312 tỷ đồng, tăng 19,6% và 19% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ đạt 926 tỷ đồng và EPS hai tháng là 844 đồng, tăng lần lượt 22,5% và 21,7% so với hai tháng đầu năm ngoái.

Mảng công nghệ đóng góp 57% vào doanh thu tập đoàn với 4.124 tỷ đồng, tăng 21,6% còn mảng viễn thông đem về 2.515 tỷ, tăng 9,1% so với cùng kỳ. Khối giáo dục, đầu tư khác ghi nhận tăng trưởng doanh thu hơn 62% lên 657 tỷ.

Xét theo cơ cấu lợi nhuận trước thuế hai tháng đầu năm, mảng công nghệ ghi nhận 515 tỷ, tăng 7,3% và đóng góp 39% vào lợi nhuận tập đoàn; mảng giáo dục và đầu tư khác chiếm 27%, đạt 357 tỷ, tăng 108% so với cùng kỳ năm ngoái. Trái lại, khối viễn thông ghi nhận sự sụt giảm 2,4% so với cùng kỳ còn 439 tỷ lãi trước thuế, đóng góp 34% cho tập đoàn.

Năm 2023, FPT đặt kế hoạch doanh thu 52.289 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 9.055 tỷ, tăng lần lượt 18,8% và 18,2% so với kết quả năm 2022. Như vậy, sau hai tháng, FPT đã đạt gần 14% mục tiêu doanh thu và hơn 14% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

Mảng dịch vụ CNTT (công nghệ thông tin) thị trường nước ngoài tiếp tục đà tăng trưởng, đạt doanh thu 3.356 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 26%, dẫn đầu bởi sức tăng đến từ thị trường Nhật Bản (tăng 23,8%) và APAC (tăng 56,7%).

Viglacera dự báo lợi nhuận năm 2023 giảm 44%

Thông tin từ báo cáo thường niên 2022 của Tổng Công ty Viglacera – CTCP (Mã: VGC), trong năm 2023, công ty đặt mục tiêu 16.000 tỷ đồng doanh thu hợp nhất tăng 10%, lợi nhuận trước thuế là 1.300 tỷ đồng giảm 44% so với cùng kỳ. Mức chia cổ tức năm 2023 dự kiến là 20% bằng tiền (2.000 đồng/cp), tương đương so với năm 2022.

Viglacera cho rằng, kế hoạch kinh doanh năm 2023 được công ty đặt trong bối cảnh giá xăng dầu và giá nguyên vật liệu nhập khẩu có xu hướng tăng.

Trong năm nay, một mục tiêu quan trọng của Viglacera là thực hiện lộ trình thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty theo Quyết định ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính Phủ.

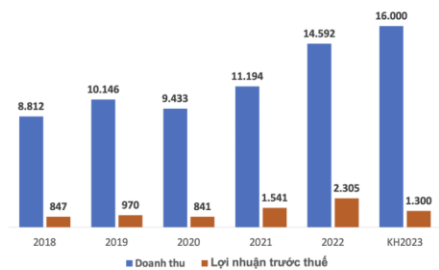
Về chiến lược trung và dài hạn, Viglacera hướng tới trở thành tập đoàn kinh tế, phát triển ở hai lĩnh vực chủ chốt là vật liệu xây dựng và bất động sản. Trong đó mục tiêu chính là phát huy tối đa năng lực của các nhà máy, dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng hiện có và đang đầu tư.

Đối với lĩnh vực vật liệu xây dựng, công ty tiếp tục nghiên cứu, đa dạng hoá sản phẩm và đầu tư phát triển vào nhóm sản phẩm mũi nhọn như kính xây dựng, sứ vệ sinh – sen vòi, gạch ốp lát...

Về lĩnh vực bất động sản, công ty tập trung phát triển đầu tư, kinh doanh và vận hành hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (KCN) và dịch vụ tại các KCN hiện có. Phát triển mở rộng quỹ đất tại các địa bàn có tiềm năng (miền Trung, miền Nam) và nước ngoài (Cuba).

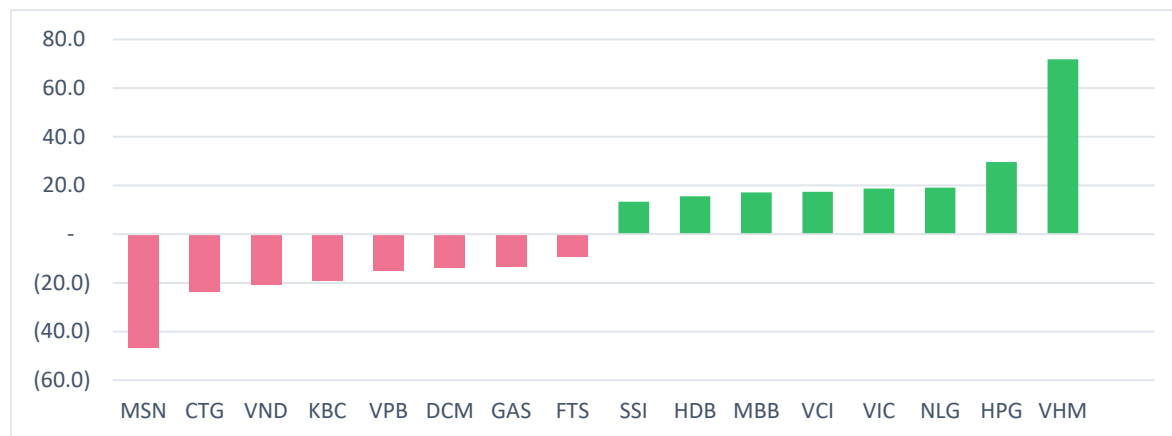
Viglacera đặt mục tiêu đến năm 2025 nâng tổng số các KCN của công ty lên hơn 20 KCN với trên 10 KCN mới với tổng diện tích tăng thêm khoảng 2.000 - 3.000 ha. Bên cạnh đó, công ty cũng phát triển đầu tư phân khúc nhà ở xã hội, nhà ở công nhân ở KCN, nhà ở thương mại và bất động sản nghỉ dưỡng, vận hành và khai thác các KCN, khu đô thị hiện có.

Kết quả kinh doanh của Viglacera (tỷ đồng)





Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	24.6	5,995,200	6.1	1.4	-	-	4,053	17,303
BID	HOSE	45.6	2,040,300	12.7	2.2	22,300	38,700	3,597	20,600
CTG	HOSE	28.5	5,961,800	8.1	1.3	435,100	1,265,620	3,518	22,536
EIB	HOSE	19.1	400,100	8.0	1.2	-	85,600	2,384	16,576
HDB	HOSE	18.1	1,779,000	5.9	1.2	1,023,860	163,200	3,063	15,411
LPB	HOSE	15.5	6,317,800	5.9	1.1	42,600	95,000	2,608	13,912
MBB	HOSE	17.8	9,550,900	4.6	1.0	5,343,100	4,376,000	3,856	17,559
MSB	HOSE	12.2	3,089,500	5.2	0.9	39,301,900	39,300,000	2,325	13,423
OCB	HOSE	15.8	2,454,900	6.2	0.9	10,110	1,900	2,562	18,448
SHB	HOSE	10.5	14,782,600	4.2	0.8	246,200	-	2,512	13,939
SSB	HOSE	31.7	1,439,300	16.0	2.5	-	9,400	1,986	12,857
STB	HOSE	25.1	13,785,600	9.4	1.2	471,770	205,100	2,674	20,489
TCB	HOSE	26.5	4,810,300	4.6	0.8	3,268,240	3,268,240	5,729	32,248
TPB	HOSE	22.0	2,456,300	5.6	1.1	900	-	3,958	20,382
VCB	HOSE	89.0	904,300	14.1	3.1	286,700	245,600	6,316	29,158
VIB	HOSE	21.0	1,822,400	5.2	1.4	-	-	4,018	15,492
VPB	HOSE	21.2	12,627,600	7.8	1.4	10,000	717,090	2,695	15,351
BAB	HNX	14.2	7,700	13.4	1.2	-	-	1,057	12,082
NVB	HNX	15.4	45,500		1.5	-	6,700	0	10,290
VBB	UPCOM	10.5	18,400	9.7	0.8	-	-	1,082	13,101
VAB	UPCOM	7.2	136,700	4.2	0.5	-	-	1,731	13,530
SGB	UPCOM	14.1	36,500		1.1	-	-	617	12,659
PGB	UPCOM	19.0	12,000	14.1	1.2	23,500	-	1,349	15,285
NAB	UPCOM	10.0	267,000			-	-		
KLB	UPCOM	10.7	5,500	7.2	0.8	-	-	1,491	14,191
BVB	UPCOM	11.7	619,400	11.8	0.9	-	-	992	13,628
ABB	UPCOM	7.8	2,119,300	5.4	0.6	-	-	1,442	13,873
			93,485,900	8.14	1.22	50,486,280	49,778,150	2,601	16,705



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CCM	UPCoM	31/03/2023	03/04/2023	29/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PRC	HNX	30/03/2023	31/03/2023	20/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 35,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SMN	HNX	30/03/2023	31/03/2023	05/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	HAS	HOSE	29/03/2023	30/03/2023	10/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CAV	HOSE	28/03/2023	29/03/2023	14/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	HU3	HOSE	28/03/2023	29/03/2023	13/04/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VGR	UPCoM	27/03/2023	28/03/2023	07/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	NAV	HOSE	27/03/2023	28/03/2023	27/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	VTC	HNX	24/03/2023	27/03/2023	26/04/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CCI	HOSE	24/03/2023	27/03/2023	25/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,210 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	HEV	HNX	24/03/2023	27/03/2023	20/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	TMW	UPCoM	24/03/2023	27/03/2023	24/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	CMF	UPCoM	23/03/2023	24/03/2023	10/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	NT2	HOSE	23/03/2023	24/03/2023	31/03/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	MRF	UPCoM	23/03/2023	24/03/2023	07/04/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	LHC	HNX	23/03/2023	24/03/2023	19/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	C4G	UPCoM	23/03/2023	24/03/2023		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
18	LBM	HOSE	23/03/2023	24/03/2023	13/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	SDC	HNX	23/03/2023	24/03/2023	30/06/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	GLT	HNX	22/03/2023	23/03/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	GLT	HNX	22/03/2023	23/03/2023	31/03/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VNL	HOSE	22/03/2023	23/03/2023	21/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	ADC	HNX	22/03/2023	23/03/2023	05/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	DBD	HOSE	22/03/2023	23/03/2023	10/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	NBE	UPCoM	21/03/2023	22/03/2023	08/08/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	DP3	HNX	21/03/2023	22/03/2023	06/07/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 8,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TPH	HNX	21/03/2023	22/03/2023	11/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	SDN	HNX	21/03/2023	22/03/2023	31/03/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931